

Bản án số: 01/2022/KDTM-ST

Ngày: 30/6/2022

V/v “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Phước Tâm.

2. Bà Võ Thị Điệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Hồng Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 30 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2022/TLST-KDTM, ngày 25 tháng 02 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2022/QĐXXST-KDTM và Quyết định hoãn phiên tòa số: 142/2022/QĐST-KDTM ngày 21 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn A.

Địa chỉ: Số 101, đường Phan Đình P, P. Tân A, Q. Ninh K, TP CT.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đoàn Tấn Q – Tổng giám đốc.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Cao Hoàng S, sinh năm 1985, Địa chỉ hiện tại: Số 4, đường Nguyễn Thái Bì, P. Mỹ Phú, TP.Cao L, tỉnh Đồng Tháp là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 28/4/2022).

2. Bị đơn: Bà Phan Thị T - Chủ hộ Kinh doanh H .

Địa chỉ: Số nhà E89, ấp 5, xã Phương T, huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1975.

3.2. Anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1994.

3.3. Chị Nguyễn Thị Ái N, sinh năm 2001.

Cùng địa chỉ: Số E89, ấp 5, xã P Thịnh, huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

(Ông Sơn có mặt tại phiên tòa; Bà T, ông T, anh T, chị N vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ghi ngày 11/12/2021, đơn khởi kiện bổ sung ghi ngày 18/01/2022 và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn là Công ty trách nhiệm hữu hạn A (viết tắt là Công ty) - người đại diện hợp pháp anh Cao Hoàng S (là đại diện theo ủy quyền văn bản ủy quyền ngày 28/4/2022) trình bày: Công ty có bán sản phẩm vật tư nông nghiệp (phân bón, thuốc trừ sâu) cho ông T, bà T, anh T, chị N. Việc bán hàng theo hình thức giao hàng trước, trả tiền sau, có tính lãi chậm thanh toán. Sau khi giao hàng, đại lý thanh toán bằng hình thức chuyển khoản hoặc trả cho nhân viên nộp về cho công ty.

Ngày 30/10/2021, giữa Công ty và bà T, chủ hộ kinh doanh H đối chiếu công nợ, bà T xác nhận nợ công ty số tiền 103.860.000 đồng, trong đó 96.696.000 đồng tiền vốn gốc, 7.164.000 đồng tiền lãi. Hộ bà T, ông T cam kết trả dần. Tuy nhiên, đến hạn bà T không trả mà có dấu hiệu tẩu tán tài sản.

Nay, Công ty yêu cầu bà T, ông T, anh T, chị N, liên đới trả cho Công ty tổng số tiền 103.860.000 đồng, trong đó nợ gốc 96.696.000 đồng, tiền lãi do chậm thanh toán 7.164.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán theo quy định tại Điều 306 Luật thương mại từ ngày 30/10/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm và tiếp tục tính lãi chậm thanh toán cho đến khi bà T, ông T, anh T, chị N trả nợ xong, lãi suất theo quy định tại Điều 306 Luật thương mại.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Công ty yêu cầu bà T - chủ hộ kinh doanh H, ông T liên đới trả nợ số tiền 103.860.000 đồng, lãi chậm thanh toán từ ngày 31/10/2021 đến ngày 30/6/2022, với mức lãi suất 10%/ 01 năm, thành tiền 6.446.400 đồng, tổng cộng 110.306.400 đồng và yêu cầu tính lãi chậm thanh toán từ ngày 01/7/2022 cho đến khi trả hết nợ với lãi suất 10%/năm. Công ty không yêu cầu anh T, chị N liên đới trả nợ.

- Đối với bị đơn là bà Phan Thị T - Chủ hộ kinh doanh H, ông T, anh T, chị N đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải và triệu tập xét xử hợp lệ, biết rõ nội dung khởi kiện của Công ty nhưng không có văn bản ý kiến, không tham gia hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của Công ty về việc yêu cầu bà Phan Thị T-Chủ hộ kinh doanh H, ông T, anh T, chị N phải có

nghĩa vụ liên đới thanh toán tiền mua bán phân bón, thuốc bảo vệ thực vật là 96.696.000 đồng tiền nợ gốc, tiền lãi chậm thanh toán tính đến ngày 30/10/2021 là 7.164.000 đồng, tổng cộng 103.860.000 đồng và lãi chậm thực hiện nghĩa vụ, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo quy định tại Điều 24 Luật thương mại.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Do bị đơn có địa chỉ: Số E89, ấp 5, xã Phương T, huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh theo quy định tại Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Vụ kiện vẫn còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 319 Luật Thương Mại.

[4] Đối với bị đơn là bà Phan Thị T - Chủ hộ kinh doanh H, ông T, anh T, chị N đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Tại phiên tòa sơ thẩm, Công ty không yêu cầu anh T, chị N liên đới trả nợ, xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty là tự nguyện, căn cứ Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ một phần khởi kiện của Công ty về việc yêu cầu anh T, chị N liên đới trả nợ.

[6] Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty về việc yêu cầu bà Phan Thị T - chủ hộ kinh doanh H, ông T phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty tiền mua bán phân bón, thuốc bảo vệ thực vật là 96.696.000 đồng tiền nợ gốc, tiền lãi chậm thanh toán tính đến ngày 30/10/2021 là 7.164.000 đồng, tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 30/10/2021 đến ngày 30/6/2022, với mức lãi suất 10%/01 năm, thành tiền 6.446.400 đồng, tổng cộng 110.306.400 đồng và lãi chậm thanh toán từ ngày 01/7/2022, với mức lãi suất 10%/01 năm cho đến khi trả hết nợ, Hội đồng xét xử nhận định: Ngày 01/4/2020, Công ty và bà Phan Thị T - chủ hộ kinh doanh H có ký hợp đồng mua bán phân bón, thuốc trừ sâu theo hình thức gói đầu, hợp đồng có chữ ký của bà Phan Thị T. Do đó, Hội đồng xét xử xác định việc mua bán phân bón, thuốc bảo vệ thực vật giữa Công ty và bà T là có thật. Trong quá trình thực hiện việc mua bán, bà T, ông T (chồng bà T) có xác nhận sổ chi tiết đơn vị mua từ ngày 01/10/2020 đến 08/06/2021, theo đó từ ngày 01/10/2020 đến ngày 08/06/2021, hộ kinh doanh H, ông T còn nợ Công ty 102.796.989 đồng. Kèm theo sổ chi tiết công nợ, Công ty có cung cấp biên nhận có chữ ký của bà T xác định ngày 30/10/2021, bà T thừa nhận còn nợ Công ty 96.696.000 đồng, tiền nợ gốc, tiền lãi 7.164.000 đồng, tổng cộng 103.860.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đến ngày 31/10/2021, bà T, chủ hộ kinh doanh H còn nợ tiền mua bán phân bón, thuốc bảo vệ thực vật là 103.860.000 đồng. Do đó, buộc bà T - chủ hộ kinh doanh H và ông T có nghĩa vụ

thanh toán cho Công ty số tiền 103.860.000 đồng theo quy định tại điều 50, điều 55 Luật thương mại, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[7] Về lãi chậm thanh toán: Tại phiên tòa sơ thẩm Công ty yêu cầu bà T-Chủ hộ kinh doanh H và ông T liên đới trả tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 30/10/2021 đến ngày 30/6/2022 của số tiền 96.696.000 đồng với mức lãi suất 10%/01 năm, thành tiền 6.446.400 đồng. Tại mục 3.3.2, Điều 3 của hợp đồng mua bán hàng hóa ngày 01/4/2020, các bên thỏa thuận mức lãi suất chậm trả 1,2%/30 ngày. Do đó, tại phiên tòa sơ thẩm Công ty yêu cầu bà T-Chủ hộ kinh doanh H và ông T trả lại chậm thanh toán với mức lãi suất 10%/01 năm là có lợi cho bà T, ông T và phù hợp theo quy định tại Điều 306 Luật thương mại; Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[8] Buộc bà Phan Thị T - chủ hộ kinh doanh H và ông T có nghĩa vụ liên đới trả cho Công ty số tiền 96.696.000, tiền lãi chậm thanh toán đến ngày 30/10/2021 là 7.164.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 30/10/2021 đến ngày 30/6/2022 là 6.446.400 đồng, tổng cộng 110.306.400 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 50, Điều 55, Điều 306 Luật thương mại năm 2005; Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[9] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu của Công ty nên bà Phan Thị T-Chủ hộ kinh doanh H phải chịu án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm, tiền án phí được tính như sau: 110.306.400 đồng x 5% = 5.515.300 đồng. Công ty trách nhiệm hữu hạn A không phải chịu án phí kinh doanh thương mại và được nhận lại 2.596.000 đồng theo biên lai số: 0007316 ngày 24/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 3, Điều 50, Điều 55, Điều 306, Điều 319 của Luật thương mại; Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn A về việc yêu cầu anh Nguyễn Hữu T, chị Nguyễn Thị Ái N liên đới trả nợ.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn A. Buộc bà Phan Thị T - chủ hộ kinh doanh H và ông Nguyễn Hữu T có nghĩa vụ liên đới thanh

toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn A số tiền mua bán hàng hóa còn nợ là 110.306.400 đồng (Một trăm mười triệu, ba trăm lẻ sáu ngàn, bốn trăm đồng).

- Trường hợp bên thanh toán chậm thanh toán còn phải trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo mức lãi suất 10%/01 năm cho đến thi hành xong bản án.

- Về án phí:

+ Bà Phan Thị T-Chủ hộ kinh doanh H phải chịu 5.515.300 đồng án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm.

+ Công ty trách nhiệm hữu hạn A không phải chịu án phí kinh doanh thương mại và được nhận lại 2.596.000 đồng theo biên lai số: 0007316 ngày 24/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

- Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- CCTHADS HCL;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Hữu Hà